

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 240/2021/HSPT
Ngày 29 tháng 4 năm 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Điền

Các thẩm phán: Ông Lê Phước Thanh
Ông Lê Tự

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Phong, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Ân, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 214/2021/TLPT-HS ngày 25 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Đình P, do có kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2021/HS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị cáo bị kháng cáo: Nguyễn Đình P sinh ngày 29/4/1974 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi đăng ký HKTT: Phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn M, xã N, huyện T1, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M1 (chết) và bà Lê Thị H sinh năm 1951; có vợ là Nguyễn Thị Lệ H1 sinh năm 1975 và 01 con sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 25/7/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành kết án 18 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc” tại bản án hình sự sơ thẩm số 14/2012/HSST, đã được xóa án tích; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/5/2020 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đình P (theo yêu cầu của Tòa án): Bà Nguyễn Thị Bích Th, Luật sư của Văn phòng Luật sư T2 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ngãi; có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà Trần Thị H2, sinh năm 1973; trú tại: Tổ dân phố V, thị trấn S, huyện T1, tỉnh Quảng Ngãi (đã chết);

Người đại diện hợp pháp của bị hại:

1. Bà Đặng Thị Đ, sinh năm 1925 (mẹ đẻ của bị hại);
2. Anh Trương Thanh T3, sinh năm 1996 (con ruột của bị hại; là người có kháng cáo);
3. Chị Trương Thị Hương, sinh năm 1999 (con ruột của bị hại);

Đều cư trú tại: Tổ dân phố V, thị trấn S, huyện T1, tỉnh Quảng Ngãi (Bà Đặng Thị Đ có văn bản ủy quyền ngày 15/01/2021 cho anh Trương Thanh T3 tham gia tố tụng tại phiên tòa; anh T3 và chị Hương có mặt tại phiên tòa).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Trương Thanh T3 (là người đại diện hợp pháp của bị hại): Bà Nguyễn Thị Lan S, Luật sư của Văn phòng Luật sư H3 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Lê Thị H, sinh năm 1950; trú tại: 120/5 đường N1, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2013, Nguyễn Đình P có quan hệ tình cảm yêu đương và chung sống như vợ chồng với bà Trần Thị H2 tại thôn M, xã N, huyện T1, tỉnh Quảng Ngãi. Cuối năm 2019, P có quan hệ tình cảm với Ngô Khánh V1, đến tháng 01/2020 V1 có thai. Bà H2 biết được quan hệ của P và V1 nên giữa bà H2 và P thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã với nhau; ngày 18/4/2020, bà H2 chuyển về nhà để sinh sống tại Tổ dân phố V, thị trấn S, huyện T1, tỉnh Quảng Ngãi.

Vào hồi 23 giờ 35 phút ngày 09/5/2020, P nhắn tin cho bà H2 để nói bà H2 đưa cho P số tiền 45.000.000 đồng với mục đích cho Nguyễn Văn Q1 vay tiền; bà H2 không đồng ý nên P và bà H2 cãi nhau. Đến 09 giờ 17 phút ngày 10/5/2020, P tiếp tục nhắn tin nói bà H2 đưa tiền nhưng bà H2 vẫn không đồng ý.

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 10/5/2020, Nguyễn Đình P điều khiển xe mô tô (loại xe Suzuki Hayate) biển kiểm soát 59Y1- 470.58 đi từ nhà P ở thôn M, xã N, huyện T1 đến nhà bà Trần Thị H2. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, khi bà H2 đang ở nhà thì P vào nhà gặp bà H2. Tại đây, bà H2 và P cãi nhau, bà H2 dắt xe mô tô biển kiểm soát 76E1- 568.26 (loại xe SH mode, màu đỏ) ra trước nhà để đi giao hàng (don) cho người mua. Khi bà H2 đang ngồi trên xe SH mode và chuẩn bị đi thì P từ trong nhà bà H2 mang theo 01 con dao (dài 39,9 cm; cán dao bằng gỗ hình elip dài 14,4 cm; lưỡi dao bằng kim loại dài 25,5 cm có 01 mũi nhọn, 01 lưỡi cắt, sóng dao dày 0,4 cm, lưỡi rộng 2,8 cm) và 01 vỏ dao bằng gỗ đi đến đứng phía sau bên trái lưng bà H2 rồi P dùng dao đâm mạnh một nhát từ trên xuống vào lưng bà H2 thì bà H2 la to “*Làng xóm ơi, cứu tôi với*” và gục đầu vào đầu xe SH mode. P đem con dao vào nhà bếp nhà bà H2 bỏ ở phía sau tủ lạnh, rồi chạy ra chỗ bà H2 đang ngồi trên xe. Lúc này hàng xóm chạy đến, trong đó có anh Trần Văn Việt; anh Việt ngồi trên xe SH mode điều khiển, bà H2 ngồi giữa, P ngồi sau giữ bà H2.

Anh Việt chở bà H2 và P đến Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi để cấp cứu nhưng bà H2 đã chết trước khi nhập viện.

Qua xét nghiệm nước tiểu của Nguyễn Đình P, kết quả dương tính đối với chất ma túy ketamin (ma túy đá).

Tại bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 30/TgT ngày 15/5/2020, Trung tâm Pháp y tỉnh Quảng Ngãi kết luận: Cách gót chân trái 1 m về phía trên, cách gai xương chậu trước trên 21 cm về phía trên sau và cách cột sống 6,5 cm về phía trái có 01 vết thương thủng da cơ dài 3,9 cm, rộng hở 01 cm, nằm ngang; bờ mép sắc gọn, đầu phía trong (phía cột sống) tù, đầu phía ngoài nhọn; vết thương này xuyên sâu vào cơ thể theo chiều từ ngoài vào trong và từ trên xuống dưới. Máu tràn ngập trong ổ bụng, có máu cục lẫn máu loãng, lách bị đứt một đoạn dài 2,5cm. Nguyên nhân chết: tổn thương nhu mô lách gây mất máu cấp.

Tại bản kết luận cơ chế hình thành dấu vết trên tử thi Trần Thị H2: vết thương ở vùng lưng bên trái của tử thi là do vật sắc nhọn có một lưỡi cắt, bản mỏng tác động tương tác một lần với lực mạnh theo hướng từ sau ra trước, từ trên xuống dưới tạo nên, làm rách lách gây mất nhiều máu, choáng không phục hồi dẫn đến chết.

Tại bản kết luận giám định ADN trên con dao dài 39,9 cm, vỏ dao bằng gỗ dài 27 cm: Trên lưỡi dao và vỏ dao có máu của Trần Thị H2; trên cán dao có ADN lẫn của nhiều người, trong đó có ADN của Trần Thị H2...

Tại bản kết luận giám định dấu vết đường vân trên con dao dài 39,9 cm, vỏ dao bằng gỗ dài 27 cm: Trên con dao gửi giám định có dấu vết đường vân. Các dấu vết không đủ yếu tố giám định. Trên vỏ dao gửi giám định có dấu vết đường vân. Trong đó, 01 dấu vết đủ yếu tố giám định, các dấu vết còn lại không đủ yếu tố giám định. Dấu vết đủ yếu tố giám định với dấu vân in tại ô “Cái trái” trên chi bản ghi họ tên Nguyễn Đình P... là của cùng một người.

Kết quả giám định dữ liệu kỹ thuật số 02 điện thoại di động của Nguyễn Đình P và 02 điện thoại di động của Trần Thị H2, kiểm tra nội dung tin nhắn cho thấy giữa P và H2 nhiều lần mâu thuẫn với nhau; bà H2 đã từng bị P gây gỗ, đánh đập và đe dọa giết (tin nhắn lúc 10 giờ 06 phút ngày 17/4/2020; lúc 02 giờ 51 phút ngày 18/4/2020; lúc 23 giờ 41 phút ngày 09/5/2020). Đêm ngày 09/5/2020, P nhắn tin nói bà H2 đưa số tiền 45 triệu đồng để cho Nguyễn Văn Q1 mượn, khi bà H2 không đồng ý thì P tức giận. Tiến hành cho đối chất giữa Q1 và P cho thấy Q1 không có hỏi mượn tiền của P, đây là cái cớ để P lấy tiền của bà H2.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2021/HS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2021, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình P phạm tội “Giết người”.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, điểm b khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình P 20 (hai mươi) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ 11/5/2020.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự buộc bị cáo P phải bồi thường thiệt hại cho những người đại diện hợp pháp của bị hại số tiền 194.094.000 đồng; nghĩa vụ chịu lãi suất do chậm thi hành án dân sự; xử lý vật chứng; nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm; phổ biến quy định về thủ tục thi hành án dân sự và quyền kháng cáo cho những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Kháng cáo: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/01/2021 người đại diện hợp pháp của bị hại là anh Trương Thanh T3 có đơn kháng cáo yêu cầu tăng mức hình phạt đối với bị cáo và tăng mức bồi thường dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo là anh Trương Thanh T3 rút một phần kháng cáo về yêu cầu tăng mức bồi thường dân sự; giữ nguyên kháng cáo yêu cầu tăng mức hình phạt đối với bị cáo.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm, các Thẩm phán thành viên Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, người kháng cáo là anh Trương Thanh T3 rút một phần kháng cáo về yêu cầu tăng mức bồi thường dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo đã rút.

Về nội dung: Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội, hậu quả từ hành vi phạm tội của bị cáo và đã áp dụng đúng tội danh, khung hình phạt; đã xem xét bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự do bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 20.000.000 đồng. Từ đó, quyết định xử phạt bị cáo 20 năm tù về tội “Giết người” là có căn cứ, đúng pháp luật. Anh Trương Thanh T3 kháng cáo yêu cầu tăng mức hình phạt đối với bị cáo nhưng không đưa ra được tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, không có tài liệu, chứng cứ nào mới nên không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh T3 và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Trương Thanh T3 cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo phạm tội “Giết người” thuộc trường hợp “Có tính chất côn đồ” là có căn cứ. Tuy nhiên, xét về động cơ, mục đích thì bị cáo còn phạm tội thuộc trường hợp “Vi động cơ đê hèn”. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh Trương Thanh T3, sửa bản án sơ thẩm buộc bị cáo phải chịu thêm tình tiết định khung quy định tại điểm q khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo với mức hình phạt là tù chung thân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, người kháng cáo là anh Trương Thanh T3 rút một phần kháng cáo về yêu cầu tăng mức bồi thường dân sự. Căn cứ vào quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 342 và Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xét thấy phần kháng cáo mà người kháng cáo đã rút không liên quan đến phần kháng cáo khác nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo đã rút.

[2] Xét kháng cáo của anh Trương Thanh T3, là người đại diện hợp pháp của người bị hại yêu cầu tăng mức hình phạt đối với bị cáo thì thấy:

[2.1] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đình P đều cho rằng bản thân không có hành vi giết chết bà H2; khi bà H2 lấy con dao từ trong cốp xe mô tô đưa cho bị cáo thì bà H2 tự ngã trúng vào con dao bị cáo đang cầm trên tay nên bị cáo chỉ có hành vi vô ý làm chết người. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc bị cáo khai rằng khi bà H2 lấy con dao từ trong cốp xe mô tô đưa cho bị cáo nhưng bị cáo không có căn cứ nào để chứng minh là sự thật; đồng thời có mâu thuẫn với lời khai của một số người làm chứng có trong hồ sơ vụ án. Đối với việc bị cáo khai rằng bà H2 tự ngã trúng vào con dao bị cáo đang cầm trên tay đã được cơ quan điều tra tổ chức việc kiểm tra lại hiện trường, bị cáo là người trực tiếp diễn lại hành vi, qua đó đã xác định việc bà H2 tự ngã vào con dao mà bị cáo cầm trên tay sẽ không gây thương tích như kết quả giám định tử thi và cơ chế hình thành dấu vết trên tử thi Trần Thị H2. Do đó, có đủ căn cứ xác định lời khai của bị cáo cho là bị cáo chỉ có hành vi vô ý làm chết người là không đúng sự thật khách quan hành vi mà bị cáo đã thực hiện; Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận lời khai trên của bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Căn cứ vào biên bản kiểm tra hiện trường, diễn lại hành vi; biên bản khám nghiệm tử thi; kết luận giám định pháp y về tử thi; kết luận về cơ chế hình thành dấu vết trên tử thi; đặc điểm vật chứng là con dao đã thu giữ; lời khai của một số người làm chứng; kết quả giám định dữ liệu kỹ thuật số 02 chiếc điện thoại của bị cáo Nguyễn Đình P và của bị hại Trần Thị H2 và các tài liệu, chứng cứ khác do cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Bị cáo Nguyễn Đình P và bị hại Trần Thị H2 có tình cảm và sống chung như vợ chồng từ năm 2013 nhưng đến cuối năm 2019 P lại có quan hệ tình cảm với người khác. Khi bà H2 phát hiện mối quan hệ trên, P và bà H2 thường xuyên xảy ra xô xát nên bà H2 bỏ về nhà của mình. Vào đêm ngày 09/5/2020 và sáng ngày 10/5/2020, P nhắn tin với nội dung yêu cầu bà H2 đưa cho P số tiền 45.000.000 đồng để cho một người tên là Nguyễn Văn Q1 vay nhưng bà H2 không đồng ý (tuy nhiên, tại các Biên bản ghi lời khai ngày 10/6/2020, ngày 30/9/2020 và Biên bản đối chất ngày 15/10/2020, Nguyễn Văn Q1 khẳng định không có nói chuyện với P về việc hỏi P nói với bà H2 cho vay tiền). Đến trưa ngày 10/5/2020, P điều khiển xe mô tô đến gặp bà H2 hỏi mượn tiền, bà H2 không đồng ý và hai người tiếp tục xảy ra cãi vã; bà H2 đi ra ngoài ngồi trên xe mô tô để chuẩn bị đi giao hàng thì bị P cầm con dao nhọn (cán dao dài 14,4 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài

25,5 cm) đâm mạnh một nhát trúng vào lưng bà H2 gây rách lách, mất máu cấp dẫn đến tử vong. Với hành vi và hậu quả nêu trên, bị cáo Nguyễn Đình P đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tuyên phạm vào tội “Giết người”, thuộc trường hợp “Có tính chất côn đồ” quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan.

[2.3] Đối với ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của phía bị hại cho rằng bị cáo còn phạm tội thuộc trường hợp “Vi động cơ đê hèn”, Hội đồng xét xử xét thấy: Những căn cứ mà Luật sư đưa ra như khi bị hại biết việc bị cáo có mối quan hệ tình cảm với người khác, làm người đó mang thai dẫn đến việc bị hại và bị cáo xảy ra mâu thuẫn, cãi vã; bị cáo đã có một số tin nhắn đe dọa bị hại; khi bị cáo gặp bị hại, hai bên tiếp tục xảy ra cãi vã... là có thật. Tuy nhiên, những tình tiết này cũng thuộc những tình tiết dẫn đến việc bị cáo thực hiện hành vi giết bị hại với tính chất côn đồ nhưng chưa đủ căn cứ để xác định vi động cơ đê hèn đã thúc đẩy bị cáo phạm tội. Do đó, ý kiến của Luật sư nêu trên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội và hậu quả từ hành vi phạm tội đặc biệt nghiêm trọng của bị cáo và đã áp dụng đúng tội danh, khung hình phạt; đã xem xét đầy đủ đặc điểm nhân thân và xác định bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; sau khi sự việc xảy ra, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 20.000.000 đồng. Từ đó, quyết định xử phạt bị cáo 20 năm tù về tội “Giết người” là có căn cứ, đúng pháp luật, đủ nghiêm minh để trừng trị người phạm tội; đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và chống tội phạm. Anh Trương Thanh T3 kháng cáo yêu cầu tăng mức hình phạt đối với bị cáo nhưng anh T3 và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của phía bị hại không đưa ra được căn cứ hoặc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào mới nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết số 236/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo Nguyễn Đình P không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 342 và Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của anh Trương Thanh T3 về yêu cầu tăng mức bồi thường dân sự. Phần trách nhiệm dân sự tại Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2021/HS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 29 tháng 4 năm 2021.

2. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của anh Trương Thanh T3 và giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2021/HS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Đình P.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình P 20 (hai mươi) năm tù, về tội “Giết người”; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ 11 tháng 5 năm 2020.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Đình P không phải chịu.

4. Các quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm về xử lý vật chứng; nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm; nghĩa vụ chịu lãi suất do chậm thi hành án dân sự không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Thủ tục thi hành bản án về phần dân sự được thực hiện theo nội dung hướng dẫn tại Bản án sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 29 tháng 4 năm 2021).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi;
- Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Điền